TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 23/2022/HC-ST
Ngày: 18-8-2022

V/v yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đường

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Lý

Ông Mai Gia Cát

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nhật – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số: 23/2021/TLST-HC ngày 17 tháng 5 năm 2021 về việc "*Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HC ngày 09 tháng 6 năm 2022, Thông báo ngày xét xử số 33/TA-HC ngày 08/8/2022, giữa các đương sự:

***Người khởi kiện*:** Ông Trương T

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương T: Ông Phạm BB; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa (có mặt).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C: Bà Lê Phạm Thùy N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C: Ông Huỳnh Quốc D – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đoàn Trọng B

2. Bà Nguyễn Thị Thu L.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

3. Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

4. Bà Nguyễn Thị C - Sinh năm 1939

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

5. Ông Nguyễn Ngọc T – Sinh năm 1961;

6. Ông Nguyễn Ngọc H – Sinh năm 1963;

7. Bà Nguyễn Thị Thu D – Sinh năm 1968;

8. Bà Nguyễn Thị Thu H – Sinh năm 1971;

9. Bà Nguyễn Ngọc D – Sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

10. Bà Nguyễn Thị B – Sinh năm 1963; địa chỉ: Số 31, đường số 1, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Ông Nguyễn Ngọc S – Sinh năm 1981; địa chỉ: 69/2 khu phố B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

12. Ông Nguyễn Ngọc M – Sinh năm 1983; địa chỉ: 10/18 khu phố N2, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

13. Ông Nguyễn Ngọc P – Sinh năm 1985; địa chỉ: Đường số 2, khu công nghiệp S, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

14. Bà Nguyễn Thị Thu T – Sinh năm 1987; địa chỉ: Số 31, đường số 1, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Ông Nguyễn Ngọc V – Sinh năm 1989; địa chỉ: 11/9B khu phố N2, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

16. Ông Nguyễn Ngọc L – Sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1993, gia đình ông Trương T khai hoang một thửa đất diện tích khoảng 20.000m^2. Năm 2013, vợ chồng ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 223, tờ bản đồ số 01 tại thôn T, xã B, huyện C, diện tích 14.062m^2, còn lại thửa 222, diện tích 2.820m^2 thì chưa được cấp Giấy chứng nhận.

Gia đình ông sử dụng thửa đất số 222 ổn định từ khi khai hoang, không tranh chấp với ai.

Ngày 17/7/2018, ông Trương T tham gia cùng đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C tiến hành kiểm kê khối lượng giải tỏa Dự án Nhà máy Điện năng lượng mặt trời Miền Trung, tỉnh Khánh Hòa thì biết được thửa đất số 222 của ông đang sử dụng đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị C số vào sổ cấp GCN: CH02642 ngày 22/9/2014.

Sau đó, bà Nguyễn Thị C chuyển nhượng cho ông Đoàn Trọng B, bà Nguyễn Thị Thu L. Ngày 12/3/2015, UBND huyện C cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Trọng B và bà Nguyễn Thị Thu Lý, số vào sổ cấp GCN: CH02903.

Tại buổi hòa giải ở UBND xã Cam Phúc Bắc, bà C thừa nhận là bà không sử dụng thửa 222 này, bà chỉ sử dụng một thửa đất diện tích khoảng 5 sào thôi. Việc UBND huyện C cấp GCNQSD đất cho bà C, ông B, bà Lý là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Trương T.

Ngày 07/6/2019, ông Trương T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02642 do UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 22/9/2014; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02903 do UBND huyện C cấp cho ông Đoàn Trọng B và bà Nguyễn Thị Thu L ngày 12/3/2015. Ngoài ra, ông T yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C phải bồi thường số tiền 150 triệu đồng, bao gồm: bồi thường chi phí cho luật sư tư vấn 50 triệu đồng, tiền công đi lại trong 04 năm là 50 triệu đồng, chi phí khác 50 triệu đồng.

Tại văn bản số 1189/UBND-TNMT ngày 10/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C huyện C và quá trình tố tụng, người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ngày 09/7/2014, bà Nguyễn Thị C có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 222 tờ bản đồ số 01, diện tích 2.820m^2, loại đất RST. Nguồn gốc thửa đất do bà Nguyễn Thị C khai phá năm 2000, ngày 10/7/2014, UBND xã B xác nhận tại đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung như sau: "Nguồn gốc sử dụng đất: hộ tự khai phá trồng rừng năm 2000, có giấy báo khai phá; sử dụng ổn định không tranh chấp, phù hợp quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất tại địa phương".

Ngày 09/7/2014, bà Nguyễn Thị C có đơn xin xác nhận với nội dung gia đình bà từ trước đến nay thu nhập chủ yếu bằng nghề nông nghiệp và hiện nay gia đình bà đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại xã B và được UBND xã B xác nhận nội dung khai trong đơn là đúng.

Ngày 22/9/2014, UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 222, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.820m^2, loại đất RST cho bà Nguyễn Thị C, số vào sổ cấp GCN: CH02642.

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất như sau: "2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được UBND cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất".

Căn cứ khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và không vi phạm pháp luật đất đai.

Từ những cơ sở trên, UBND huyện C nhận thấy: UBND xã B xác định nguồn gốc sử dụng đất do bà Nguyễn Thị C khai hoang năm 2000, sử dụng ổn định, không tranh chấp, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và bà Nguyễn Thị C là đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, việc UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 222, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.820m^2, loại đất RST cho bà Nguyễn Thị C là đúng quy định.

Ngày 13/01/2015, bà Nguyễn Thị C chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất 222, tờ bản đồ số 01 cho ông Đoàn Trọng B và bà Nguyễn Thị Thu Lý được Văn phòng công chứng Thuận An chứng thực ngày 13/01/2015, số 000119, quyển số 01/2015TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngày 12/3/2015, bà Nguyễn Thị C, UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Trọng B và bà Nguyễn Thị Thu Lý tại thửa đất số 222, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.820m^2, số vào sổ cấp GCN: CH02903.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã B, huyện C trình bày:

Năm 2007, thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc đo đạc bản đồ đối với những khu đất đã sản xuất nhưng chưa được đo đạc, kê khai cấp GCNQSD đất, UBND xã B phối hợp cùng Xí nghiệp trắc địa bản đồ 202 và người dân xã B tiến hành đo đạc lập bản đồ lâm nghiệp và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa ký nghiệm thu bản đồ vào tháng 12/2007. Tại thời điểm đo đạc thì ông Trương T và bà Nguyễn Thị C hướng dẫn đoàn gồm có 03 thửa đất (liên quan đến hộ ông T và hộ bà C) gồm thửa đất số 221, 222, 223, tờ bản đồ số 01. Sau khi đo đạc và ký nghiệm thu bản đồ, UBND xã đã thông báo cho người dân ký các

hồ sơ liên quan về chủ sử dụng đất để lập thủ tục cấp GCNQSD đất. Qua kiểm tra hồ sơ, B bản xác nhận ranh giới mốc giới thửa đất và trích lục hình thể thửa đất năm 2007 thì ông Trương T chỉ kê khai chủ sử dụng đất đối với thửa đất số 223, tờ bản đồ số 01, bà C kê khai thửa 221, 222. Năm 2013, ông Trương T đến UBND xã kê khai xin cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 223, tờ bản đồ số 01 và đã được Hội đồng tư vấn xét cấp GCNQSD đất xã B xét cấp GCNQSD đất cho hộ ông Trương T. Năm 2014, bà Nguyễn Thị C đến UBND xã B kê khai xin cấp GCNQSD đất đối với thửa số 221 và 222, tờ bản đồ số 01. Qua kiểm tra hồ sơ ký xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất thì ông T đã ký xác nhận hồ sơ cho bà C thống nhất ranh giới thửa đất. Hai thửa đất trên đã được Hội đồng tư vấn xét cấp GCNQSD đất xã B xét cấp GCNQSD đất cho bà C sau khi họp xét. Trong thời gian niêm yết công khai tại địa phương UBND xã B không nhận được đơn thư khiếu nại nào liên quan đến 02 thửa đất nêu trên và đã chuyển hồ sơ lên UBND huyện và UBND huyện C cấp 02 GCNQSD đất cho bà Nguyễn Thị C đối với thửa đất số 221, 222. Đến ngày 13/01/2015 bà C chuyển nhượng 02 thửa đất trên cho ông Đoàn Trọng B, bà Nguyễn Thị Thu Lý. Tại buổi hòa giải của UBND xã, bà Lý đã đồng ý giao lại GCNQSD đất thửa đất số 222, tờ bản đồ số 01 cho ông Trương T, bà Lý có yêu cầu bà C phải trả lại cho bà số tiền 2.500.000 đồng tiền lệ phí và thuế chuyển nhượng QSD đất. Tuy nhiên do bà C đã già yếu và khó khăn nên ông Trương T thống nhất sẽ hỗ trợ số tiền trên cho bà C và giao lại cho bà Lý khi đến nhận lại GCNQSD đất, sau đó làm thủ tục sang tên trên GCNQSD đất đối với thửa đất nêu trên. Đồng thời bà Lý có yêu cầu UBND xã phối hợp với đơn vị đo đạc bản đồ thu hồi đất tại dự án điện năng lượng mặt trời Miền Trung xác định lại ranh giới đối với phần giáp ranh giữa hai hộ (thửa 222 và 221) nếu có bị chồng lấn trong quá trình sử dụng thì ông T phải trả lại tiền cho bà Lý sau khi đã nhận tiền bồi thường về đất đối với phần diện tích bị chồng lấn (nếu có). Tuy nhiên, sau đó ông Trương T không đồng ý theo nội dung làm việc tại UBND xã B và có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Về yêu cầu khởi kiện của ông Trương T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Nguyễn Thị C, các ông bà Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thị Thu D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Thị B, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Ngọc V, Nguyễn Ngọc L:

Bà Nguyễn Thị C chết ngày 05/12/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm các ông, bà T, H, D, H, D, B, S, M, P, T, V, L. Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án bổ sung và triệu tập hợp lệ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để Tòa án tiến hành đối thoại. Nhưng các ông, bà T, H, D, H, D, B, S, M, P, T, V, L không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia đối thoại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu L trình bày:

Việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 222, tờ bản đồ số 01 giữa vợ chồng bà với bà C là hợp pháp nên bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương T. Nếu đất của bà nhận chuyển nhượng là đất của ông T do UBND huyện C cấp nhầm sổ cho bà C thì vợ chồng bà đồng ý giao trả lại giấy chứng nhận cho ông T nhưng ông T phải hỗ trợ vợ chồng bà chi phí sang tên trên giấy chứng nhận cho ông T số tiền 2.500.000 đồng.

Kèm theo đơn khởi kiện; ý kiến người bị kiện; ý kiến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các đương sự đã nộp các tài liệu chứng cứ đã được công khai tại B bản công khai chứng cứ.

Toà án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên việc đối thoại không thể thực hiện được.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và người tham gia tố tụng khác đều đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Đối với yêu cầu của người khởi kiện về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận; Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết do yêu cầu khởi kiện được đưa ra sau khi Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và đối thoại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người bị kiện UBND huyện C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Theo quy định tại Điều 157 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện, người bảo vệ quyền lợi của người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02642 do UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 22/9/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02903 do UBND huyện C cấp cho ông Đoàn Trọng B và bà Nguyễn Thị Thu L ngày 12/3/2015 là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, nên yêu cầu khởi kiện của ông Trương T thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Ngày 06/7/2020, ông Trương T có đơn khởi kiện vụ án hành chính là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.4] Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Năm 2014, bà Nguyễn Thị C làm thủ tục kê khai đăng ký cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 222 và thửa đất số 221, tờ bản đồ số 01. Hai thửa đất này đã được UBND huyện C cấp GCNQSD đất. Đến ngày 13/01/2015, bà C chuyển nhượng 02 thửa đất số 222 và 221 cho ông Đoàn Trọng B, bà Nguyễn Thị Thu Lý được Văn phòng công chứng Thuận An công chứng theo theo hợp đồng số 000119, quyển số 01/2015TP/CC-SCC/HĐGD (đối với thửa đất số 222, tờ bản đồ số 01) và hợp đồng số 000120, quyển số 01/2015TP/CC-SCC/HĐGD (đối với thửa đất số 221, tờ bản đồ số 01, tờ bản đồ số 01).

[2.2] Quá trình giải quyết tranh chấp liên quan đến thửa đất số 222, tờ bản đồ số 01 tại UBND xã B, bà Nguyễn Thị C thừa nhận bà chỉ khai hoang, sử dụng 01 thửa đất, diện tích khoảng 5 sào, có vị trí giáp với đất của ông T, đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đoàn Trọng B, bà Nguyễn Thị Thu Lý. Tại B bản giải quyết đơn của ông Trương T do UBND xã B lập ngày 31/8/2018, ông T và bà C có ý kiến: "*Do chúng tôi không am hiểu rõ trên bản đồ, do vậy chúng tôi có ký xác nhận ranh giới đối với thửa đất trong B bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất đối với thửa đất số 222, tờ bản đồ số 01. Nhưng trên thực tế, thửa đất trên là do ông T sử dụng từ trước tới nay*".

[2.3] Như vậy, thửa đất bà Nguyễn Thị C khai hoang, sử dụng chỉ là thửa số 221, tờ bản đồ số 01, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đó bà Nguyễn Thị C chuyển nhượng cho ông Đoàn Trọng B, bà Nguyễn Thị Thu Lý. Thửa đất số 222, tờ bản đồ số 01 được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị C, số vào sổ cấp GCN: CH02642 ngày 22/9/2014 là do cấp nhầm. Việc UBND huyện C cấp GCNQSD đất cho bà Nguyễn Thị C đối với thửa đất số 222, tờ bản đồ số 01 là không đúng với quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013. Do bà C không có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 222, tờ bản đồ số 01 nên việc bà C chuyển nhượng đất cho ông Đoàn Trọng B, bà Nguyễn Thị Thu L cũng là không hợp pháp.

[2.4] Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trương T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02642 do UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 22/9/2014; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02903 do UBND huyện C cấp cho ông Đoàn Trọng B và bà Nguyễn Thị Thu L ngày 12/3/2015 là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Trương T về yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C phải bồi thường số tiền 150 triệu đồng, bao gồm: bồi thường chi phí cho luật sư tư vấn 50 triệu đồng, tiền công đi lại trong 04 năm là 50 triệu đồng, chi phí khác 50 triệu đồng.

Xét thấy: Yêu cầu khởi kiện bổ sung (đơn đề nghị ngày 19/01/2022) buộc UBND huyện C bồi thường thiệt hại số tiền 150 triệu đồng được ông Trương T đưa ra sau khi Tòa án đã tiến hành việc công khai chứng cứ và hòa giải (ngày 18/01/2022); Do đó, yêu cầu khởi kiện này của ông Trương T là không có cơ sở để xét, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này; Ông Trương T có thể khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[3] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị C với ông Đoàn Trọng B và bà Nguyễn Thị Thu L nếu các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên người bị kiện UBND huyện C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, mức án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp cho ông Trương T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, Điều 32; điểm h khoản 1 điều 143; Điều 173; điểm b, khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ Điều 97, Điều 98, Điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ khoản 2, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trương T; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02642 do UBND huyện C cấp cho bà Nguyễn Thị C ngày 22/9/2014; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH02903 do UBND huyện C cấp cho ông Đoàn Trọng B và bà Nguyễn Thị Thu Lý ngày 12/3/2015.

2. Đình chỉ giải quyết khởi kiện của ông Trương T đối với yêu cầu buộc UBND huyện C phải bồi thường thiệt hại số tiền 150 triệu đồng. Ông Trương T có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: UBND huyện C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, mức án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp cho ông Trương T theo B lai số AA/2016/0001147 ngày 10/02/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo đối với các đương sự vắng mặt là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: AV, HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Công Đường